

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2013**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2014**

**PHẦN I**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SX - KD NĂM 2013**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Kính thưa Đại hội!

Năm 2013 là năm hết sức khó khăn và thách thức, tình hình kinh tế vẫn chìm trong khủng hoảng làm ảnh hưởng không nhỏ đến SXKD của các doanh nghiệp. Thực tế, năm 2011, cả nước có 53.000 doanh nghiệp; năm 2012 có 54.000 doanh nghiệp và năm 2013 có 61.000 doanh nghiệp phá sản, giải thể (theo số liệu của Bộ KH-ĐT). Đằng sau con số 61.000 doanh nghiệp này còn có rất nhiều doanh nghiệp hết sức khó khăn, kiệt quệ không có tiền để trả lương, nộp bảo hiểm, thưởng cho người lao động. Danameco là doanh nghiệp cũng không ngoại lệ và cũng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, như : Tính cạnh tranh hiện nay trên thị trường cung ứng trang thiết bị, bông băng gạc và vật tư y tế ngày càng khốc liệt; tình hình giá cả nguyên liệu, vật tư, hàng hóa, xăng dầu, điện, nước v.v... luôn luôn biến động tăng làm cho giá thành sản phẩm, hàng hóa tăng, trong khi giá bán thì phải bảo lưu trong thời gian hợp đồng kinh tế có hiệu lực thường là 12 tháng làm ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động SX, KD của Tổng Công ty.

Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng Công ty chủ động đề ra các giải pháp tích cực khắc phục khó khăn, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực, thực hiện các chính sách tiết kiệm hợp lý, đầu tư nâng cấp thiết bị và tổ chức sản xuất hợp lý, tìm nguồn nguyên liệu ổn định, có giá thấp và từng bước điều chỉnh những chiến lược kinh doanh hợp lý và đã đạt được kết quả khả quan, sau đây:

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**

Theo Báo cáo kiểm toán số: 430/2014/BCKT-AAC ngày 31/03/2014 của Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC về Báo cáo tài chính năm 2013 của Tổng công ty cổ phần Y tế Danameco như sau :

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Dvt: Đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm 2013	Số cuối năm 2013
<b>TÀI SẢN</b>	-	-
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>105.854.762.265</b>	<b>104.032.076.819</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>15.499.130.834</b>	<b>31.737.975.210</b>
1. Tiền	13.249.130.834	6.227.886.264
2. Các khoản tương đương tiền	2.250.000.000	25.510.088.946

Báo cáo kết quả SX-KD 2013 và kế hoạch SX-KD 2014



<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>300.000.000</b>	<b>25.200.000</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>57.346.481.572</b>	<b>44.146.535.483</b>
1. Phải thu khách hàng	51.092.649.125	43.124.477.508
2. Trả trước cho người bán	5.899.209.342	938.412.814
3. Các khoản phải thu khác	386.258.851	263.609.337
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-31.635.746	-179.964.176
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>30.369.868.198</b>	<b>25.429.583.760</b>
1. Hàng tồn kho	30.369.868.198	26.648.339.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	-1.218.755.690
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>2.339.281.661</b>	<b>2.692.782.366</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	509.892.927	342.392.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.391.118.917	1.563.261.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	29.713.172	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	408.556.645	787.128.750
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>42.843.484.187</b>	<b>40.600.970.611</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>42.266.518.662</b>	<b>39.410.070.241</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>24.974.244.673</b>	<b>22.322.406.420</b>
- Nguyên giá	47.769.063.591	47.250.635.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	-22.794.818.918	-24.928.229.259
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>17.097.663.821</b>	<b>17.087.663.821</b>
- Nguyên giá	17.159.663.821	17.159.663.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	-62.000.000	-72.000.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	194.610.168	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>576.965.525</b>	<b>1.190.900.370</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	576.965.525	1.190.900.370
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>148.698.246.452</b>	<b>144.633.047.430</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>97.138.415.588</b>	<b>84.291.099.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>90.146.415.588</b>	<b>81.491.099.246</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	61.684.488.554	45.858.018.841
2. Phải trả người bán	12.737.989.870	13.157.664.632
3. Người mua trả tiền trước	721.458.517	9.635.188.807
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.804.022.238	7.068.758.235
5. Phải trả người lao động	2.747.740.085	3.283.156.849
6. Chi phí phải trả	64.867.592	253.841.146
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.081.354.996	2.065.052.575
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	304.493.736	169.418.161
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>6.992.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	5.092.000.000	2.800.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0
3. Doanh thu chưa thực hiện	0	0
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.900.000.000	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>51.559.830.864</b>	<b>60.341.948.184</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>49.769.198.196</b>	<b>58.551.315.516</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.143.620.000	30.143.620.000

Báo cáo kết quả SX-KD 2013 và kế hoạch SX-KD 2014



2. Thặng dư vốn cổ phần	5.001.173.825	5.001.173.825
3. Vốn khác của chủ sở hữu		
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
5. Quỹ đầu tư phát triển	4.755.092.471	7.743.220.710
6. Quỹ dự phòng tài chính	1.026.318.756	1.376.032.516
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.842.993.144	14.287.268.465
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>1.790.632.668</b>	<b>1.790.632.668</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>148.698.246.452</b>	<b>144.633.047.430</b>

## 2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm trước 2012	Năm nay 2013	2013/ 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.970.418.118	210.980.908.560	95%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.394.179.063	1.584.263.651	114%
<b>3. DT thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>219.576.239.055</b>	<b>209.396.644.909</b>	95%
4. Giá vốn hàng bán	148.222.184.165	141.011.925.950	95%
<b>5. LN gộp về bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>71.354.054.890</b>	<b>68.384.718.959</b>	96%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	910.070.520	420.773.045	46%
7. Chi phí tài chính	10.643.498.129	5.727.945.468	54%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	10.585.302.052	5.709.906.180	54%
8. Chi phí bán hàng	15.963.129.080	15.028.026.940	94%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.853.336.436	24.791.627.003	86%
<b>10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.804.161.765</b>	<b>23.257.892.593</b>	138%
11. Thu nhập khác	437.432.233	1.994.306.595	456%
12. Chi phí khác	95.926.137	330.167.439	344%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>341.506.096</b>	<b>1.664.139.156</b>	487%
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.145.667.861</b>	<b>24.922.031.749</b>	145%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.288.567.717	6.301.566.447	147%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
<b>17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.857.100.144</b>	<b>18.620.465.302</b>	145%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	4.265	6.177	145%

📌 Qua kết quả tình hình SXKD năm 2013, nhận xét:

- Doanh thu năm 2013: 209.396.644.909đ, đạt 95,5% so với năm 2012, do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân khách quan là việc cung ứng trang thiết bị y tế cho Dự án Quỹ hỗ trợ y tế - BHYT: 28,5 tỉ và Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh duyên hải nam trung bộ: 8 tỉ được chuyển sang đầu năm 2014 thực hiện, lý do máy móc, thiết bị y tế nhập khẩu từ nước ngoài về không kịp trước 31/12/2013. Ngoài ra, còn nguyên nhân chủ quan là tuy trúng thầu cung cấp vật tư tiêu hao, bông băng gạc y tế rất nhiều, nhưng do theo dõi, quản lý chưa chặt chẽ, chưa kịp thời và công tác marketing, theo dõi thị trường của một số bộ phận còn hạn chế nên tổng giá trị hàng hóa khách hàng mua thực tế ít hơn so với hợp đồng kinh tế đã ký kết.



- Lợi nhuận năm 2013: 24.922.031.749đ, tăng 46% so với năm 2012. Mặc dù, doanh thu giảm hơn 4,5%, nhưng lợi nhuận tăng rất đáng kể là do lãi suất vay ngân hàng thương mại giảm; việc sử dụng đồng vốn hiệu quả trong công tác thanh toán và công tác dự trữ vật tư, hàng hóa hợp lý và đặc biệt là thực hiện các chính sách tiết kiệm chi phí trong quá trình SXKD v.v...

### **3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012	NĂM 2013
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	28,81	28,07
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	71,19	71,93
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	65,33	58,28
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	34,67	41,72
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,84	0,96
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,17	1,28
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	8,65	12,87
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	5,86	8,89
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ nguồn vốn CSH	%	24,94	30,86

➤ Để đạt được kết quả trên trong năm 2013, Ban lãnh đạo triển khai tổ chức tốt một số công việc chủ yếu, sau đây:

#### **- Đối với lĩnh vực SX:**

- Thường xuyên nghiên cứu tổ chức SX hợp lý để không ngừng nâng cao chất lượng, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm. Đặc biệt, luôn nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu và phù hợp trong công tác khám chữa bệnh.
- Công khai, minh bạch, dân chủ trong công việc xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu, định mức nhân công lao động để người lao động đóng góp ý kiến quý báu nhằm phát huy sức mạnh tập thể để đem lại hiệu quả cao nhất.
- Trang bị mới 2 máy vắt sữa và 34 máy may cho XN SXBBG& VTYT Hòa Cường
- Nghiên cứu và áp dụng thành công việc chuyển đổi bao bì tiệt trùng sản phẩm từ nhập khẩu sang sử dụng bao bì trong nước, chuyển từ bao bì có băng keo sang sử dụng bao bì ép nhiệt không băng keo, góp phần làm giảm giá thành, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Cải tiến máy chế tạo Bông gạc đắp vết thương cắt chính xác đến từng milimet. Nâng cao lợi thế cạnh tranh về năng suất và chất lượng sản phẩm
- Chuyển đổi công nghệ tẩy bông bằng công nghệ vi sinh ít gây ảnh hưởng đến môi trường sống, đạt 100% tiêu chuẩn quy định của ngành y tế.
- Hoàn thiện quy trình sản xuất khâu trang học đường cho đến nay hàng tháng bán sản lượng tăng dần tại thành phố HCM.
- Cải tiến lò hơi 500Kg/h tiết kiệm 15~20% năng lượng và làm sạch môi trường ít bụi.

#### **- Đối với lĩnh vực kinh doanh:**

- Thường xuyên nghiên cứu điều chỉnh chiến lược kinh doanh hợp lý để thỏa mãn khách hàng hơn đối thủ cạnh tranh. Mạnh dạn dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và không đi theo lối mòn của một số đơn vị trong cùng lĩnh vực hoạt động.



- Làm việc với các tập đoàn nước ngoài để làm đại lý trực tiếp một số sản phẩm chủ yếu về trang thiết bị, nhằm chủ động nguồn hàng để cung cấp cho khách hàng trên cả nước, nhưng vẫn còn hạn chế.
  - Luôn nghiên cứu và từng bước phát triển mở rộng thị trường để tăng thị phần của Danameco
- **Đối với lĩnh vực khác:**
- Thành lập Ban cải cách tiền lương để xây dựng hệ số lương, tiêu chuẩn cấp bậc, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ làm cơ sở trả lương công bằng, hợp lý.
  - Điều chỉnh cách trả lương phù hợp với tình hình thực tế SXKD và đáp ứng theo nguyện vọng của CBNV trong Tổng công ty.
  - Luôn luôn nghiên cứu kiện toàn lại bộ máy tổ chức ngày càng hợp lý hơn, nghiêm túc luân chuyển những CBNV không phù hợp với công việc hiện tại để chuyển sang công việc mới phù hợp hơn và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho CBNV có tố chất, có năng lực, có phẩm chất đạo đức để phát triển thành những cán bộ quản lý, lãnh đạo.
  - Thường xuyên tổ chức công tác đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phục vụ công tác được tốt hơn.
  - Theo chức năng, nhiệm vụ đã được Tổng công ty ban hành, Ban lãnh đạo thường xuyên kiểm tra tất cả các phòng, ban để phát huy những mặt tích cực và giải quyết, xử lý kịp thời những tình huống phát sinh có liên quan đến quá trình hoạt động SXKD, nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
  - Hoàn thành việc đầu tư, xây dựng ISO 13485 trong thời gian 210 ngày đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận, nhằm mục tiêu lãnh đạo, quản lý mang tính chất chuyên nghiệp phù hợp với thời đại hội nhập kinh tế quốc tế.

### **III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013**

Thực hiện theo Nghị quyết số: 320NQ/ĐHĐCĐ-DNM ngày 26/4/2013 của ĐHĐCĐ thường niên năm, xin trình với ĐHĐCĐ về tình hình phân phối lợi nhuận năm 2013, như sau:

Chi trả cổ tức năm 2013 là 30%.

Trong đó:

- Đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2013 (tháng 11/2013) bằng tiền mặt : 15%/cổ phần
- Đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 (tháng 4/2014) bằng tiền mặt : 15%/cổ phần

*Dvt: Đồng*

<b>Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2013</b>	<b>18.620.465.302</b>	
<i>Lợi nhuận do CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán không được chia lợi nhuận và trả cổ tức theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012</i>	<b>6.024.806</b>	
Trong đó: Lợi nhuận được chia cổ tức và trích lập các quỹ:	<b>18.614.440.496</b>	
- Trích lợi nhuận chia cổ tức :	9.043.086.000	3.000đ/cp
<i>Chi trả cổ tức bằng tiền mặt</i>	9.043.086.000	
<i>Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu</i>	0	
<b>Số tiền còn lại trích lập các quỹ như sau :</b>	9.571.354.496	100%
- Quỹ dự phòng tài chính	957.135.450	10%
- Quỹ Ban điều hành công ty	1.435.703.174	15%
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.871.406.349	30%
- Quỹ phát triển sản xuất	4.307.109.523	45%



**PHẦN II**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT-KINH DOANH NĂM 2014 VÀ**  
**CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

**I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SX, KD NĂM 2014**

Năm 2014, dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước tuy có phục hồi, nhưng còn chậm và còn nhiều khó khăn, tiếp tục tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Do vậy, cần tập trung lãnh đạo nhằm tiếp tục duy trì, ổn định và từng bước phát triển hoạt động SXKD. Để làm được điều này, TCT Danameco kêu gọi tất cả mọi người trong chúng ta ra sức nỗ lực tối đa có trách nhiệm, đoàn kết trên dưới một lòng cùng với Ban lãnh đạo phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD do HĐQT giao năm 2014, cụ thể như sau:

*Đvt : Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Ghi chú
I	Doanh thu hoạt động SXKD	<b>252.000.000.000</b>	
II	Giá vốn hàng bán ra	177.600.000.000	
III	Lãi gộp từ SXKD	74.400.000.000	
IV	Tổng chi phí hoạt động	50.000.000.000	
1	Chi phí bán hàng	18.000.000.000	
2	Chi phí quản lý	27.000.000.000	
3	Chi phí tài chính	5.000.000.000	
V	Tổng lợi nhuận trước thuế	<b>24.400.000.000</b>	
VI	Thuế TNDN 22%	5.368.000.000	
VII	Lợi nhuận sau thuế	<b>19.032.000.000</b>	

✚ **Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch 2014:** Để hoàn thành kế hoạch năm 2014 theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty cần tổ chức thực hiện các vấn đề chủ yếu, sau đây:

**1. Đối với lĩnh vực SX:**

- Tổng Công ty lấy năm 2014 là năm “phòng chống cháy nổ” và kêu gọi mỗi người hãy suy nghĩ và hành động có trách nhiệm về công tác này tại nơi làm việc, đặc biệt là các XN sản xuất. Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể để hướng dẫn thực hiện.
- Tiếp tục nghiên cứu tổ chức SX hợp lý, đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.
- Không SXKD bao bì Carton. Sử dụng mặt bằng này để chuyển một số SP sản xuất tại XNHC về XNQN trực tiếp SX, nhằm giải quyết hợp lý nguồn nhân lực và tránh áp lực quá tải cho XNHC về tiến độ cung ứng sản phẩm cho khách hàng.
- Đối với SX găng tay cao su y tế: Phải nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá cụ thể trên cơ sở khoa học về chất lượng, giá thành để xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT.
- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế đối thoại nơi làm việc không để khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp xảy ra.

**2. Đối với lĩnh vực kinh doanh:**

- Trình HĐQT xin thành lập Văn phòng đại diện - Danameco tại Hà Nội, Cần Thơ để phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ trang thiết bị, vật tư y tế và các sản phẩm bông, băng, gạc v.v... nhằm thúc đẩy phát triển SXKD.
- Điều chỉnh, bổ sung một số điều trong Quy chế hoạt động của Chi nhánh để phù hợp với thể chế của Nhà nước và tình hình thực tế hiện nay. Yêu cầu các Chi nhánh phải tuyệt đối chấp hành mọi chủ trương, quyết định của Tổng công ty đề ra, tránh trường hợp “trên bảo, dưới không nghe”.
- Tích cực tham gia Hội chợ về TTB, VTYT tại khu vực, tìm thêm nhiều chủng loại hàng hóa, để làm đại lý độc quyền tại Việt Nam nhằm chủ động trong quá trình SXKD.
- Tách phòng KD thành phòng kinh doanh TTB và phòng kinh doanh VTYT để chuyên môn hóa, mở rộng và làm chủ thị trường nhằm tăng thị phần.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu, tổ chức giới thiệu sản phẩm tại các khu vực mà Danameco chưa chiếm lĩnh hoặc có thị phần thấp.
- Tiếp tục nghiên cứu các chiến lược hợp lý để thỏa mãn khách hàng hơn đối thủ cạnh tranh nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Mời Giảng viên chuyên nghiệp về đào tạo chương trình CCO (giám đốc kinh doanh) tại Danameco để trang bị kiến thức nhằm phục vụ cho công tác KD ngày càng được tốt hơn, phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về máy móc, thiết bị y tế đối với CBNV trực tiếp kinh doanh TTB.

### **3. Đối với các lĩnh vực khác:**

- TGD, PTGD và GD các phòng, ban tăng cường làm việc trực tiếp với các đơn vị trực thuộc để kiểm tra, giám sát, xử lý các tình huống kịp thời, thỏa đáng nhằm tránh những điều đáng tiếc xảy ra.
- Rà soát, định biên lại lực lượng lao động phù hợp, nâng cao hiệu quả công việc.
- Tổ chức triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 đến với các đơn vị trực thuộc và bắt buộc phải hoàn thành trước 30/6/2014.
- Sớm nghiên cứu chọn nhà cung ứng phần mềm kế toán phù hợp với điều kiện hoạt động của DANAMECO.
- Thường xuyên theo dõi cải tiến cách trả lương, rà soát các định mức chưa hợp lý để điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tế.
- Tổ chức các buổi tọa đàm chuyên đề để giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Phát huy những sáng kiến cải tiến, áp dụng thiết thực và hiệu quả vào sản xuất kinh doanh.

## **II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2014:**

Căn cứ vào kế hoạch SX-KD năm 2014 và tình hình thực tế qua các năm gần đây, xin trình với ĐHĐCĐ là giao cho HĐQT quyết định trong kỳ họp cuối năm 2014, về phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN. Dự kiến như sau :

\* Chi trả cổ tức:

- Mức chi trả cổ tức: khoảng 20% - 30%/cổ phần
- Hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu

\* Số tiền còn lại phân phối:

- Trích lập quỹ phát triển sản xuất : 45%
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính : 10%
- Trích lập quỹ khen thưởng - phúc lợi : 30%
- Trích lập quỹ Ban điều hành công ty : 15%



### **III. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2014:**

#### **1. Về huy động vốn:**

- Theo Nghị quyết số 320/NQ/ĐHĐCĐ-DNM ngày 26/4/2013 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 và Nghị quyết số 46/NQ/ĐHĐCĐ-DNM ngày 16/01/2014 của ĐHĐCĐ (*thông qua bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản*), ĐHĐCĐ đã thống nhất : Để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thống nhất phương án phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 30.143.620.000 đ lên hơn 40.000.000.000đ cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá và giành thêm 150.000 cổ phần ưu đãi theo mệnh giá cho CBNV có thành tích và những người có công đóng góp, phát triển Tổng công ty CP Y tế Danameco (*tương đương 5% cổ phiếu đang lưu hành*).
- Ngày 17/3/2014, Chủ tịch UBCKNN đã cấp Giấy chứng nhận số 19/GCN-UBCK chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco
  - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
  - Mệnh giá: 10.000 đồng
  - Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 1.154.787 cổ phiếu  
Trong đó: chào bán 1.004.787 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;  
chào bán 150.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên;
  - Tổng giá trị chào bán cổ phiếu tính theo mệnh giá: **11.547.870.000** (*Mười một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).
  - Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
  - Ngày 24/3/2014, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã có Thông báo số 620/TB-VSD về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.

#### **2. Về tình hình đầu tư năm 2014:**

Đề quá trình SX,KD năm 2014 được thực hiện tốt, Tổng Công ty cần đầu tư một số hạng mục sau đây (*đã được HĐQT cho phép*) với tổng giá trị dự kiến là: **2.260.000.000 đồng**

STT	Hạng mục cần đầu tư năm 2014
<b>I.</b>	<b>VP Tổng công ty</b>
1	Hệ thống phần mềm quản lý kế toán
2	Xe tải 3,5 tấn ( <i>phục vụ vận chuyển hàng hóa</i> )
<b>II.</b>	<b>XN sản xuất Bông Băng Gạc Quảng Nam</b>
1	Cải tạo nhà xưởng bao bì để sản xuất bông băng gạc
2	Máy in phun
3	Máy điều hòa cho xưởng sản xuất



#### IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC:

##### Thù lao HĐQT, BKS:

Xin trình ĐHĐCĐ năm 2014, tiền thù lao HĐQT và BKS năm 2014, cụ thể:

- CT HĐQT chuyên trách : Tương đương lương TGD điều hành
- PCT HĐQT : 5.000.000 đ/tháng
- Ủy viên HĐQT : 4.000.000 đ/tháng
- Trưởng BKS : 4.000.000 đ/tháng
- Thành viên BKS : 3.000.000 đ/tháng

Xin trân trọng cảm ơn!



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TẤN TIÊN**

